

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 12 – 2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thúy Kiều

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm, Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2023/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 385/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ánh N, sinh năm 1984 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Văn N1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ : khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Ánh N trình bày như sau:**

Tôi và anh Võ Văn N1 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N (nay là UBND phường C, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng tôi sống rất vui vẻ, hạnh phúc, tuy nhiên sau đó chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N1 thường xuyên nhậu nhẹt không lo

làm ăn, chúng tôi đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Chúng tôi không sống chung từ năm 2022 cho đến nay.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Võ Thị Anh T 16/02/2007 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 24/10/2009 hiện tại các cháu đang sống chung với cha mẹ.

Tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận tài sản chung

Về nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nợ chung

Nay yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn N1.

- Về con chung: Đồng ý giao con là cháu Võ Thị Anh T 16/02/2007 cho ông N1 nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu T, yêu cầu cháu Võ Gia B, sinh ngày 24/10/2009 cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng và tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Văn N1 ý kiến trình bày:**

Tôi thống nhất với ý kiến trình bày của chị Nguyễn Ánh n về hôn nhân, con chung, tài sản chung. Theo yêu cầu ly hôn của chị N tôi không đồng ý, tôi yêu cầu được hàn gắn. Đối với việc cháu T có nguyện vọng theo sống với cha khi cha mẹ ly hôn thì tôi cũng đồng ý nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự vắng mặt nhưng không có đơn yêu cầu là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của bà N. Cho bà Nguyễn Ánh N ly hôn với ông Võ Văn N1

- Về con chung: Quá trình sống chung bà N và ông N1 có 02 người con chung: là Võ Thị Anh T 16/02/2007 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 24/10/2009 hiện nay 02 cháu đang sống chung cha mẹ.

Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu được nuôi 02 con, xét thấy bà N có đủ điều kiện nuôi con, tuy nhiên theo nguyện vọng của cháu T theo sống với ông N1 khi

cha mẹ ly hôn và tại phiên tòa hôm nay bà N cũng đồng ý việc cháu T theo sống với ông N1 khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, để tranh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu và theo nguyện vọng của cháu nên đề nghị HĐXX giao cháu Võ Thị Anh T, sinh ngày 16/02/2007 cho ông Võ Văn N1 nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Võ Gia B, sinh ngày 24/10/2009 cho bà Nguyễn Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N, ông N1 không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà N, ông N1 không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Võ Văn N1.

Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu được nuôi 02 con. Tuy nhiên **tại phiên tòa bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà N đồng ý giao con là cháu Võ Anh T cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con là cháu T mong muốn sống với anh N1 khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, việc bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như trên là ý kiến tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nguyện vọng của cháu T nghĩ nên chấp nhận.**

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: bà Nguyễn Ánh N và ông Võ Văn N1 là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N1 là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng bà N cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn

n nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà N và ông N1 đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn hạnh phúc, không còn gắn bó yêu thương với nhau và đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Sau khi thụ lý Tòa án có thông báo cho các bên để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, động viên các bên thỏa thuận, anh N1 yêu cầu được hàn gắn nhưng phía nguyên đơn chị N kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà N và ông N1 trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ánh N. Cho bà Nguyễn Ánh N ly hôn với ông Võ Văn N1

- Về con chung: Quá trình sống chung bà N và ông N1 có 02 người con chung: là Võ Thị Anh T 16/02/2007 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 24/10/2009 hiện nay 02 cháu đang sống chung cha mẹ.

Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu được nuôi 02 con, xét thấy bà N có đủ điều kiện nuôi con, Tuy nhiên **tại phiên tòa bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà N đồng ý giao con là cháu Võ Anh T cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con là cháu T mong muốn sống với anh N1 khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, tại tờ nguyên của con khi cha mẹ ly hôn lập ngày 05/12/2023 cháu Võ Thị Anh T có nguyện vọng được sống với cha là anh N1. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh N1 thể hiện ý kiến đồng ý việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu T khi vợ chồng ly hôn. Việc bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như trên là ý kiến tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu Gia B1 và cháu Anh T nên thiết nghĩ giao con chung cháu Võ Gia B2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và cháu Võ Thị Anh T cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh N1 và chị N, không ai được quyền ngăn cản.**

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N, ông N1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà N, ông N1 không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ánh N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011025 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, **khoản 1 Điều 244**, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh N. Cho bà Nguyễn Ánh N ly hôn với ông Võ Văn N1

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Anh T, sinh ngày 16/02/2007 cho ông Võ Văn N1 nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành

- Giao cháu cháu Võ Gia B, sinh ngày 24/10/2009 cho bà Nguyễn Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Võ Văn N1, bà Nguyễn Ánh N không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ánh N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011025 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận:** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND phường 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Mỹ Hạnh